TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2021
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Ký và ông Trần Công Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên *tham gia phiên tòa có:* Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2021/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Trung N, sinh năm 1974. Nơi đăng ký thường trú: Thôn ML, xã XL, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nơi ở hiện nay: Thôn TV, xã HK, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn ML, xã XL, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn ngày 10/01/2021, nguyên đơn là anh Phạm Trung N trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Phạm Trung N và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/1996 ngày 11/07/1996.

Sau thời gian chung sống, đến năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, vợ chồng hay cải vã, không hòa thuận. Từ năm 2003 đến nay, vợ chồng không còn sống chung.

Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phạm Ngọc Tỷ, sinh năm 1997 và Phạm Thị Nữ, sinh năm 2001. Các cháu đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1996. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2003, khi con gái sau được 03 tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cải vã qua lại, anh N bỏ nhà đi, thỉnh thoảng về thăm cha mẹ. Từ năm 2003 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được. Chị T muốn sống vậy để lo cho con cái nên anh N đơn phương ly hôn thì chị T không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết xét xử cho anh N ly hôn theo yêu cầu của anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc Tỷ, sinh năm 1997 và Phạm Thị Nữ, sinh năm 2001. Các cháu đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:* Về việc tuân thủ pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho ông Phạm Trung N ly hôn bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Phạm Ngọc Tỷ và Phạm Thị Ngọc Nữ đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Trung N và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/1996 ngày 11/7/1996, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân của vợ chồng Phạm Trung N, Nguyễn Thị T đã mâu thuẫn trầm trọng, không hòa giải đoàn tụ được. Từ năm 2003 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh N ly hôn chị T.

[3] Về con chung: anh N và chị T có hai con chung là Phạm Ngọc Tỷ, sinh năm 1997 và Phạm Thị Ngọc Nữ, sinh năm 2001; cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Trung N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho Anh Phạm Trung N ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[2] Về án phí: Anh Phạm Trung N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền số 0005142 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND nơi cấp giấy đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền